

 làm ơn	 Cảm ơn	Obrigado Cảm ơn bạn đã giúp đỡ tôi. Obrigado pela sua ajuda. Lição 6 · Pedidos educados	Por favor Làm ơn mở cửa giúp tôi. Por favor, abra a porta. Lição 6 · Pedidos educados
 Không có chi	 Xin lỗi	Com licença Xin lỗi, tôi cần giúp đỡ. Com licença, eu preciso de ajuda. Lição 6 · Pedidos educados	De nada Không có chi. De nada. Lição 6 · Pedidos educados
 xin lỗi	 Bạn có thể giúp tôi không?	Você poderia me ajudar? Bạn có thể giúp tôi không? Você poderia me ajudar? Lição 6 · Pedidos educados	Desculpe Tôi xin lỗi. Me desculpe. Lição 6 · Pedidos educados
 Bạn có thể nhắc lại ... không?	 Bạn có thể nói chậm hơn được không?	Você poderia falar mais devagar? Bạn có thể nói chậm hơn được không? Você poderia falar mais devagar? Lição 6 · Pedidos educados	Você poderia repetir, por favor? Bạn có thể nhắc lại câu đó không? Você poderia repetir, por favor? Lição 6 · Pedidos educados

 Cho tôi ... được không	 tôi muốn	Gostaria de Tôi muốn thêm một chút trà. Gostaria de mais chá. Lição 6 · Pedidos educados	Poderia me dar... por favor? Cho tôi nước được không? Poderia me dar água, por favor? Lição 6 · Pedidos educados
 Cho tôi ...	 Tôi ... có được không	Tudo bem se Tôi ngồi có được không? Tudo bem se eu sentar? Lição 6 · Pedidos educados	Posso...? Cho tôi xin một chút nước được không? Posso ter um pouco de água? Lição 6 · Pedidos educados
 Tôi không hiểu	 Bạn có thể nhắc lại không?	Você poderia repetir, por favor? Bạn có thể nhắc lại không? Você poderia repetir, por favor? Lição 8 · Entender e esclarecer	Não entendo. Tôi không hiểu. Não entendo. Lição 8 · Entender e esclarecer
 Chậm hơn một chút ạ	 Điều đó có nghĩa là gì?	O que isso significa? Điều đó có nghĩa là gì? O que isso significa? Lição 8 · Entender e esclarecer	Mais devagar, por favor Chậm hơn một chút ạ. Mais devagar, por favor. Lição 8 · Entender e esclarecer

 Nói cái đó bằng ... như thế nào?	 Đánh vần ... như thế nào?	Como se soletra isso? Bạn đánh vần từ đó như thế nào? Como se soletra isso? Lição 8 · Entender e esclarecer	Como se diz isso em ...? Nói cái đó bằng tiếng Tây Ban Nha như thế nào? Como se diz isso em espanhol? Lição 8 · Entender e esclarecer
 Bạn có thể viết ... ra được không?	 Bạn có thể cho tôi xem ... không?	Você pode me mostrar? Bạn có thể cho tôi xem bức ảnh đó không? Você pode me mostrar a foto? Lição 8 · Entender e esclarecer	Você pode anotar? Bạn có thể viết nó ra được không? Você pode anotar, por favor? Lição 8 · Entender e esclarecer
 Bạn có nói ... không?	 Chờ một chút ạ	Só um momento, por favor. Chờ một chút ạ. Só um momento, por favor. Lição 8 · Entender e esclarecer	Você fala...? Bạn có nói tiếng Anh không? Você fala inglês? Lição 8 · Entender e esclarecer
 Tôi nghĩ vậy	 Tôi không biết	Não sei Tôi không biết. Não sei. Lição 8 · Entender e esclarecer	Acho que sim Tôi cũng nghĩ vậy. Acho que sim também. Lição 8 · Entender e esclarecer